

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2286/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2022

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Ông Chu Mạnh Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: ông Trần Đức Sơn.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1961/2021/HNST ngày 31 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3513/2022/QĐXXST-DSST ngày 01 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Đường A, khu phố B, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Vũ Văn N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đường B, khu phố C, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và ông Vũ Văn N đã kết hôn từ năm 2017, có đám cưới và có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông N gây nợ nần nên thường xuyên cãi vã. Ông bà đã ngồi lại nói chuyện nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Ông bà đã ly thân từ 8/2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn, bà đề nghị Tòa án không phải hòa giải và giải quyết cho ông bà ly hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 14/12/2016. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung và không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại các buổi hòa giải ông Vũ Văn N trình bày: Giai đoạn đi đến hôn nhân đúng như bà Th trình bày. Theo ông cuộc sống chung đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông cũng có gây nợ nần, từ đó mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không mang lại hạnh phúc. Nay ông xác định tình cảm không còn, khả năng đoàn tụ cũng không mang lại hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 14/12/2016. Sau khi ly hôn ông yêu cầu nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Văn N có mặt trong quá trình xét xử vụ án và giữ nguyên ý kiến như trong quá trình hòa giải tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Văn N tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45/2017 ngày 08/5/2017 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, Thành phố Hà Nội cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Th, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông N gây nợ nần nên thường xuyên cãi vã, từ đó làm cho cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn. Ông N cho rằng cuộc sống chung có mâu thuẫn và ông cũng xác định tình cảm không còn, ông đồng ý ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông N đã trầm trọng, đến nay đời sống hôn nhân không còn tồn tại, vợ chồng không còn gắn bó tình cảm, không còn trách nhiệm chăm sóc lẫn nhau. Do mục đích hôn nhân không đạt được, bà Th và ông N thỏa thuận thuận tình ly hôn là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Th và ông Vũ Văn N xác định có 01 người con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 14/12/2016, hiện người con chung đang do bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cả bà Th và ông N đều có yêu cầu xin nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Xét hiện tại người con chung đang ở với bà Th, được chăm sóc tốt và được đi học tốt, bà Th có đủ khả năng và điều kiện chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của con cũng như sự ổn định về tinh thần, tâm lý của con nên giao con cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015, bà Th phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1-/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th được ly hôn ông Vũ Văn N.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 14/12/2016.

Giao con chung tên Vũ Gia H, sinh ngày 14/12/2016 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con bà Th tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có

2-/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0025292 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, bà Th đã nộp đủ tiền án phí. Ông N không phải chịu án phí.

3-/ Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ánh Nguyệt

